TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 43

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 178 179 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 0 **B.** 100 000 **C.** 180 000 **D.** 200 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 52 243 đến 52 256?

A. 8 **B.** 7 **C.** 13 **D.** 6

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 104 917, 104 971, 105 917, 103 971 là:

A. 103 971 **B.** 104 971 **C.** 105 917 **D.** 104 917

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 3 với a = 8186, b = 324 là:

A. 8513 **B.** 9168 **C.** 9158 **D.** 25 530

Câu 5. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có chu vi 70 cm, chiều dài hơn chiều rộng 7 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 14 cm **B.** 21 cm **C.** 38 cm **D.** 23 cm

Câu 6. *(0,5 điểm)* 5 phút 45 giây = ……. giây

A. 545 **B.** 50 **C.** 405 **D.** 345

Câu 7. *(0,5 điểm)* Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vào năm 1945. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 181 **B.** 71 **C.** 81 **D.** 82

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có cạnh 17 cm thì chu vi là:

A. 21 cm **B.** 34 cm **C.** 68 cm **D.** 289 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 5 triệu, 2 chục nghìn, 6 trăm và 2 đơn vị viết là: …….

b) Số «một triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm tám mươi sáu» viết là: …….

c) Làm tròn số 2 873 472 đến hàng trăm nghìn được: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 6413 + 421 + 579 = …….

b) 5135 + 7706 − 135 = …….

c) 518 + 3624 + 82 = …….

Câu 11. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 2 với a = 7611, b = 872: ……

b) m − n + p với m = 38 543, n = 7275, p = 4244: ……

c) (x + 2813) × 2 với x = 600: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 78 kg = …… kg

b) 6 tạ = …… yến

c) 5 m^2 43 dm^2 = …… dm^2

d) 2 phút 17 giây = …… giây

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
b) 1 phút = 100 giây	
c) 1 dm^2 = 10 cm^2	
d) Góc bẹt bằng hai góc vuông	

Câu 14. *(1 điểm)* Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 62 m, chiều dài hơn chiều rộng 11 m. Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích mảnh vườn.

a) Chiều dài: …… m

b) Chiều rộng: …… m

c) Diện tích: …… m^2

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 43

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	A	C	B	D	C	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 5 020 602

b) 1 878 186

c) Chữ số hàng chục nghìn là 7 nên được 2 900 000

Câu 10.

a) 6413 + (421 + 579) = 6413 + 1 000 = 7413

b) (5135 − 135) + 7706 = 5000 + 7706 = 12 706

c) (518 + 82) + 3624 = 600 + 3624 = 4224

Câu 11.

a) 7611 + 872 × 2 = 7611 + 1744 = 9355

b) 38 543 − 7275 + 4244 = 31 268 + 4244 = 35 512

c) (600 + 2813) × 2 = 3413 × 2 = 6826

Câu 12.

a) 3000 + 78 = 3078

b) 1 tạ = 10 yến: 60

c) 500 + 43 = 543

d) 2 × 60 + 17 = 137

Câu 13.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Câu 14.

Nửa chu vi: 62 : 2 = 31 (m)

Chiều dài: (31 + 11) : 2 = 21 (m)

Chiều rộng: 21 − 11 = 10 (m)

Diện tích: 21 × 10 = 210 (m²)